

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 09/01/2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Văn Thề.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Doanh.

2. Bà Ngô Thị Nguyệt.

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Minh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà:
Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 369/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N - Sinh năm 1994

Địa chỉ: Khu H, thị trấn T, huyện C, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Anh Vi Văn T - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

(Chị N vắng mặt có đơn xen xét xử vắng mặt. Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2019 lời khai của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị và Anh Vi Văn T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn không bị ai ép buộc, chị và Anh T có đến ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang đăng ký kết hôn vào tháng 8 năm 2012. Được hai bên gia đình tổ chức lễ

cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới chị và Anh T về chung sống cùng nhau ngay tại thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian ngắn chị và Anh T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị và Anh T không hợp nhau vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau làm cho tình cảm rạn nứt không có hạnh phúc. Đến năm 2017 chị và Anh T sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân chị và Anh T có náu kéo nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm với Anh T không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn T.

Về con chung: Chị và Anh T có một con chung là cháu Vi Thị Y - Sinh ngày 01/9/2014. Vợ chồng ly hôn Chị N có nguyện vọng xin nuôi cháu Vi Thị Y, chị không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và công nợ chung: Chị Và Anh T không có tài sản chung, không liên quan vay nợ ai, không ai vay nợ chị và Anh T, chị không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản, công nợ.

Bị đơn Anh Vi Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra tra việc tiếp cận, giao nộp công khai chứng cứ và hòa giải, kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng Anh T không cung cấp văn bản ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của Chị N. Anh T không tham dự phiên họp, phiên hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của Anh T về yêu cầu của Chị N đối với Anh T. Ông Vi Đức H là bố đẻ của Anh T cho biết: Anh T hiện đi làm ăn xa vẫn liên lạc về gia đình, ông có nhận thay và thông báo cho Anh T về yêu cầu khởi kiện của Chị N, Anh T cũng đã nhận được các giấy tờ trên. Anh T có nói với gia đình là anh đồng ý ly hôn với Chị N. Ngoài ra Anh T không có yêu cầu nào khác, tuy nhiên anh không làm văn bản ý kiến của mình gửi Tòa án. Anh T không cung cấp địa chỉ chỗ ở, nơi làm việc cho ông biết để Tòa án làm căn cứ giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Chị N, Anh T vắng mặt tại phiên tòa. Chị N có đơn xin xét xử vắng mặt, Anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Trong đơn xin xét xử vắng mặt Chị N trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh T, về con chung chị đề nghị được nuôi dưỡng cháu Vi Thị Yến. Về tài sản, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của đương sự có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và của các đương sự. Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự.

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị N: Cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với Anh Vi Văn T

2. Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị Ngân nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Thị Y - Sinh ngày 01/9/2014, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn Anh Vi Văn T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở anh Thuỷ thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005705 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn với Anh Vi Văn T. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa Chị N vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Vi Văn T được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử xét thấy nguyên đơn đã ghi đúng, đầy đủ địa chỉ của bị đơn. Qua xác nhận của người thân của Anh T thì hiện Anh T vẫn có hộ khẩu tại thôn Trú quán: Thôn G, xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay Anh T đi làm ăn nơi khác thường đi đi, về về là đúng. Tuy nhiên Anh T không

cung cấp địa chỉ, nơi ở, nơi làm việc hiện nay, không thông báo cho Anh T biết. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 3 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 được xem là Anh T cố tình giấu giếm địa chỉ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết theo thủ tục chung và xét xử vắng mặt Chị N, Anh T.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị N Anh T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2012 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, đến nay không ai còn quan tâm tới ai. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau một thời gian dài. Nay Chị N làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với Anh T. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Thủy anh Ngân có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của Chị N đối với Anh T. Cho Chị N được ly hôn với Anh T;

[3] Về con chung: Chị N, Anh T có 01 con chung là cháu Vi Thị Y - Sinh ngày 01/9/2014. Khi ly hôn Chị N có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Y và không yêu cầu Anh T cấp dưỡng nuôi con, không đề nghị Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Y là con chung duy nhất của Chị N và Anh T. Do vậy Chị N và Anh T đều có quyền và nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục để cháu Y phát triển trưởng thành có ích cho gia đình và xã Hội. Hội đồng xét xử xét thấy Chị N và Anh T đã sống ly thân với nhau một thời gian dài, trong thời gian sống ly thân cháu Yến đang ở ổn định với Chị N. Do vậy để đảm bảo ổn định cho sự phát triển cũng như thuận lợi cho việc chăm sóc con chung cần giao cháu Y cho Chị N nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Chị Nguyễn Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*** Vì các lẽ trên.**

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Nguyễn Thị N: Cho Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với Anh Vi Văn T

2. Về con chung: Giao cho Nguyễn Thị Ngân nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Thị Y - Sinh ngày 01/9/2014, việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì các đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn Anh Vi Văn T được quyền đi lại thăm nuôi con chung không ai được cản trở anh Thủy thực hiện quyền này.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0005705 ngày 13/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn.
- UBND xã K, huyện L, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Văn Thế